

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I năm 2025	Ước thực hiện Quý I năm 2025/ Dự toán năm (tỷ lệ%)	Ước thực hiện quý I năm 2025 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp...				
2	Chi quản lý hành chính				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	224.236	65.251	29,10%	208,16%
I	Nguồn ngân sách trong nước	224.236	65.251	29,10%	208,16%
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi nhiệm vụ giáo dục, đào tạo và dạy nghề	224.236	65.251	29,10%	208,16%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	19.566	11.020	56,32%	236,09%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	204.671	54.231	26,50%	203,27%
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 4 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Mai Xuân Trường

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II năm) 2025	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ%)	Ước thực hiện quý II năm 2025 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp...				
2	Chi quản lý hành chính				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	224.236	64.274	28,66%	97,30%
I	Nguồn ngân sách trong nước	224.236	64.274	28,66%	97,30%
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
	Chi nhiệm vụ giáo dục, đào tạo và dạy nghề	224.236	64.274	28,66%	97,30%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	19.566	7.771	39,72%	53,79%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	204.671	56.503	27,61%	109,48%
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ	0			
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0			

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 7 năm 2025

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
SƯ PHẠM
THÁI NGUYÊN
PGS.TS Mai Xuân Trường

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý III năm 2025	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ%)	Ước thực hiện quý III năm 2025 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp...				
2	Chi quản lý hành chính				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	224.236	18.064	8,06%	120,87%
I	Nguồn ngân sách trong nước	224.236	18.064	8,06%	120,87%
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi nhiệm vụ giáo dục, đào tạo và dạy nghề	224.236	18.064	8,06%	120,87%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	19.566	772	3,95%	206,22%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	204.671	17.292	8,45%	118,68%
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ	0			
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0			

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 10 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
SƯ PHẠM
PGS.TS Mai Xuân Trường

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý IV năm 2025	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ%)	Ước thực hiện quý IV năm 2025 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp...				
2	Chi quản lý hành chính				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	239.121	90.486	37,84%	142,40%
I	Nguồn ngân sách trong nước	239.121	90.486	37,84%	142,40%
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi nhiệm vụ giáo dục, đào tạo và dạy nghề	239.121	90.486	37,84%	142,40%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	19.566	2.431.074	0,01%	1157,89%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	219.556	90.483	41,21%	142,39%
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ	0			
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0			

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 01 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
SƯ PHẠM
PGS.TS Mai Xuân Trường

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ

STT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ	6%	8,7%
2	Số công bố khoa học/giảng viên	1,47	1,06
3	Số công bố WoS, Scopus/ giảng viên	0,72	0,7

2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

STT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm
1	Đề tài cấp Nhà nước	5	1.998
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	22	2.715
3	Đề tài cấp cơ sở	42	1.400
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	0	0
5	Đề tài hợp tác quốc tế	0	0
	Tổng số	69	6.113

3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

STT	Công trình công bố	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tổng số bài báo khoa học được Hội đồng giáo sư nhà nước công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	375	353
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	122	118
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	4	3
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	1	1
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	0	0

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

STT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo (2025)	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	14,7%	18,22%
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	23,2%	13,66%

2. Kết quả thu chi hoạt động

STT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo (2025)	Năm trước liền kề năm báo cáo
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	168,05	155,13
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	19,565	19,49
II	Thu giáo dục và đào tạo	140,10	117,24
1	Học phí, lệ phí từ người học	76,91	65,10
2	Hợp đồng, tài trợ từ ngân sách nhà nước	52,27	41,14
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác	10,912	11,00
III	Thu khoa học và công nghệ	8,39	10,74
1	Hợp đồng, tài trợ từ ngân sách nhà nước		
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	4,3	1,49
3	Thu khác	4,068	9,25
IV	Thu khác (thu nhập ròng)		7,66
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	158,29	150,09
I	Chi lương, thu nhập	82,50	68,17
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	66,00	54,54
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	16,50	13,63
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	50,28	55,72
1	Chi cho đào tạo	30,20	38,34

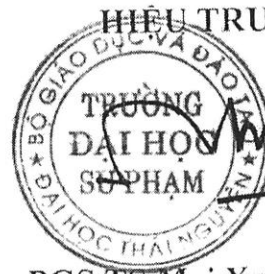
Handwritten signatures and initials at the bottom right of the page.

STT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo (2025)	Năm trước liền kề năm báo cáo
2	Chi cho nghiên cứu	9,64	7,86
3	Chi cho phát triển đội ngũ	0,72	0,59
4	Chi phí chung và chi khác	9,72	8,94
III	Chi hỗ trợ người học	7,37	13,57
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	5,80	12,70
2	Chi hoạt động nghiên cứu	1,13	0,68
3	Chi hoạt động khác	0,44	0,19
IV	Chi khác	18,15	12,64
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	9,76	5,04

(Số liệu được tính đến hết ngày 15 tháng 12 năm 2025)

Nơi nhận: *Am*

- BGD&ĐT (để b/c);
- DHTN (để b/c);
- Phòng CTTT-TV (để cập nhật thông tin Trên Website Trường);
- Lưu: VT, BĐCLGD (3).



PGS.TS Mai Xuân Trường